TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 123/2024/DS-PT Ngày: 27/02/2024 V/v tranh chấp: "Đòi quyền sở hữu nhà".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải.**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Thanh Vân;**

Ông **Huỳnh Việt Trung.**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Chí Thành** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông **Dương Thanh Quang** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 21 và ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 548/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp "Đòi quyền sở hữu nhà".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 118/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1057/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Ông Lê Thanh L, sinh năm 1961; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1984; (có mặt)

Địa chỉ: Số C đường H, ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền được công chứng ngày 26/10/2022) (BL 07).

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T: Anh Ngô Trung H, sinh năm 1991; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. (Theo giấy ủy quyền được công chứng ngày 06/02/2023)

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*****:**

3.1. Bà Trần Ngọc L1, sinh năm 1966; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L1: Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1984; (có mặt)

Địa chỉ: Số C đường H ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền được công chứng ngày 26/10/2022) (BL 07).

3.2. Chị Nguyễn Thế Vân H1, sinh năm 1988; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Anh Ngô Minh T1, sinh năm 1986; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Thanh L là anh Đỗ Văn C trình bày*:

Ông Lê Thanh L là chủ sử dụng hợp pháp căn nhà có diện tích khoảng 150m^2 và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 329 tờ bản đồ số 07, diện tích 268,8m^2 tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCN: CS01061 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 29/5/2020 đứng tên ông L.

Nguồn gốc thửa đất này là do bà Trần Ngọc L1 (vợ của ông L) nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị V (mẹ của chị T) vào ngày 11/9/2019. Tài sản gắn liền với đất là căn nhà có diện tích khoảng 150m^2. Việc chuyển nhượng nhà không có giấy tờ, chỉ thỏa thuận miệng giữa bà L1 với bà V, khi chuyển nhượng bà V chưa sắp xếp dọn nhà được nên bà L1 đồng ý cho hộ bà V (hộ bà V lúc này chỉ có mình bà V) ở trong hạn 03 tháng để sắp xếp chỗ ở mới. Sau đó bà Lưu tặng cho nhà và đất cho ông L vào năm 2020.

Do ảnh hưởng của dịch Covid nên bà V chưa tìm được chỗ ở mới nên xin ở lại. Sau đó bà V chết, chị T về ở tại căn nhà nêu trên, ông L có yêu cầu chị T giao nhà nhưng chị T không đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

Nay ông L yêu cầu Tòa án buộc chị T phải trả lại cho ông L 01 căn nhà theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/8/2023 được xây dựng trên thửa đất số 329, tờ bản đồ 07 tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Ông L đồng ý hỗ trợ cho chị T số tiền 443.000.000 đồng.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thanh T là anh Ngô Trung H trình bày*:

Chị T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L, lý do:

+ Từ trước đến nay, căn nhà đang tranh chấp gồm có bà V, chị T và chị H1 ở trên đó. Việc chuyển nhượng giữa bà V với bà L1 thì chị T và chị H1 đều không biết. Giữa bà V và bà Lưu không có thỏa thuận chuyển nhượng nhà.

+ Nhà tranh chấp xây dựng vào khoảng năm 2007-2008, đến năm 2011 và năm 2017 sửa chữa lại, mỗi người đóng góp vào khoảng 200.000.000 đồng.

+ Phía bà V chưa nhận được tiền chuyển nhượng đất từ bà L1.

+ Từ trước đến nay bà Lưu không có động thái yêu cầu bà V rời khỏi nhà.

Bà V chết vào ngày 12/01/2022.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thế Vân H1 trình bày*:

Từ trước đến nay, căn nhà đang tranh chấp gồm có bà V, chị T và chị ở trên đó. Việc chuyển nhượng đất, nhà giữa bà V với bà L1 thì chị không biết. Giữa bà V và bà Lưu không có thỏa thuận chuyển nhượng nhà.

Nhà tranh chấp xây dựng vào khoảng năm 2007-2008, đến năm 2011 và năm 2017 sửa chữa lại, mỗi người đóng góp vào khoảng 200.000.000 đồng.

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ngô Minh T1 vắng mặt, có yêu cầu vắng mặt và không có trình bày ý kiến.*

*** Bản án dân sự sơ thẩm số:** 118/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 163, Điều 166 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 5 của Luật Nhà ở.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh L.

- Buộc chị Nguyễn Thanh T phải trả lại cho ông Lê Thanh L 01 căn nhà, gồm có các kết cấu như sau:

+ Mái che: Diện tích xây dựng 36,7m^2. Kết cấu: Cột, kèo, đòn tay bằng thép hình; Vách: 01 vách nhờ có cột, 01 vách tường cao 2,1m có ốp gạch

Ceramic mặt trong, mặt ngoài không tô, phía trên có lưới B40; Mái tole; Nền: Gạch Ceramic 18,04m^2, nền xi măng 17,12m^2; Không trần.

+ Nhà chính 1: Diện tích xây dựng 68,06m^2. Kết cấu: Móng, cột bằng bê tông cốt thép, đòn tay bằng gỗ quy cách; Vách tường (mặt trong ốp gạch Ceramic cao 1,6m, phía trên tô tường sơn nước); Mái tole; Nền: Gạch Ceramic; Có trần.

+ Nhà chính 2: Diện tích xây dựng 37,05m^2. Kết cấu: Móng, cột bằng bê tông cốt thép, đòn tay bằng gỗ quy cách; Vách tường (mặt trong ốp gạch Ceramic cao 3,1m); Mái tole; Nền: Gạch Ceramic; Có trần; Có khu phụ.

+ Nhà phụ: Diện tích xây dựng 37,8m^2. Kết cấu: Cột bằng thép hình, đòn tay bằng thép hình và gỗ quy cách; Vách: 01 vách nhờ có cột, 01 vách xây tường cao 0,9m phía trên có lưới B40 và tole, 1 vách khung thép hình lưới B40 và tole; Mái tole; Nền gạch Ceramic; Không trần.

+ Sân đal có diện tích 30,42m^2.

(có sơ đồ kèm theo)

Nhà được xây dựng trên thửa đất số 329, tờ bản đồ 07 tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Thực hiện trong hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày án có hiệu lực.

2. Ghi nhận việc ông Lê Thanh L tự nguyện hỗ trợ cho chị Nguyễn Thanh T số tiền 443.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi ba triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, bị đơn Nguyễn Thanh T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của bị đơn có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên nhận định án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh L, buộc chị Nguyễn Thanh T phải di dời đồ dùng trong nhà để giao trả cho ông L một căn nhà xây dựng trên thửa đất 329, tờ bản đồ số 07, tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang là chưa có căn cứ. Vì nguồn gốc căn nhà đang tranh chấp là của ông Nguyễn Thế H2 đứng tên. Năm 2011 ông H2 chết, bà V làm thủ tục thừa kế đứng tên nhưng không có sự thống nhất của các con ông H2. Sau khi bà V được đứng tên quyền sử dụng đất thửa 09, tờ bản đồ số 07, diện tích 526m^2 thì bà V lập hợp đồng chuyển nhượng cho bà L1, khi chuyển nhượng trên đất có căn nhà đang tranh chấp nhưng tòa sơ thẩm không thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ trên là thiếu sót, ảnh hưởng nghiêm trọng đến thủ tục tố tụng. Do đó, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án dân sự sơ thẩm số 118/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe các đương sự trình bày tranh luận và ý kiến của kiểm sát viên phân tích đề nghị đường lối xét xử phúc thẩm. Xét thấy:

[1] Về thời hạn kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thanh T thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, đúng các Điều 271, 272, 273, 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xét xử phúc thẩm.

Về tư cách người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Lê Thanh L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Ngọc L1 ủy quyền cho anh Đỗ Văn C. Bị đơn Nguyễn Thanh T ủy quyền cho anh Ngô Trung H làm đại diện tham gia tố tụng. Việc ủy quyền được thực hiện theo Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả nhà, đất cho nguyên đơn. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết theo quy định tại khoản 2, khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 160, 161, 164, 166, 185, 193, 194 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 12, Điều 119, Điều 120 Luật nhà ở.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết:

[3.1] Nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày: Ông L là chủ sử dụng căn nhà diện tích khoảng 150m^2, cất trên thửa đất số 329, tờ bản đồ số 07, diện tích 268,8m^2 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận số CS 01061 ngày 19/5/2020 cho ông L đứng tên tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc đất do bà Trần Ngọc L1 là vợ ông L nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị V là mẹ chị T vào ngày 11/9/2019. Sau khi nhận chuyển nhượng vẫn để bà V ở một mình, đến khi bà vân chết thì chị T mới về ở trong căn nhà. Ông L đã yêu cầu chị T giao trả nhà nhưng chị T không trả nên ông L khởi kiện yêu cầu chị T giao trả căn nhà có diện tích khoảng 150m^2

và toàn bộ thửa đất 329 nói trên cho ông (BL 11). Quá trình giải quyết vụ án ông L thay đổi một phần yêu cầu: xin rút lại yêu cầu đòi chị T trả lại thửa đất 329 (BL 17) và tại phiên tòa sơ thẩm ông L tự nguyện hỗ trợ cho chị T số tiền 443.000.000 đồng (BL 116).

[3.2] Bị đơn Nguyễn Thanh T và người đại diện cho chị T trình bày: Căn nhà đang tranh chấp là của bà V, chị T, chị H1 đang ở, được xây dựng vào năm 2007, 2008. Đến năm 2011 và năm 2017 được sửa chữa lại. Chị T và chị H1 mỗi người đóng góp khoảng 200 triệu đồng. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà V và với bà L1 thì hai chị không biết, không có thỏa thuận chuyển nhượng nhà. Bà V cũng chưa nhận được tiền chuyển nhượng đất từ bà L1. Vì vậy chị T, chị H1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông L. Ngày 10/4/2023 chị T có đơn phản tố yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng ngày 11/9/2019 vô hiệu; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23/9/2019 cho bà L1 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 29/5/2020 cho ông L nhưng Tòa sơ thẩm ra thông báo không chấp nhận đơn phản tố của chị T (BL 42).

Án sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L nhưng chị T không đồng ý nên kháng cáo.

[4] Xét thấy bà Nguyễn Thị V được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số CS 00849 ngày 30/8/2019 thửa đất số 09, tờ bản đồ số 07, diện tích 526m^2 gồm 300m^2 đất ở nông thôn, 226m^2 đất trồng cây lâu năm tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (BL 68). Ngày 11/9/2019 bà Nguyễn Thị V lập hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích thửa đất nói trên cho bà Trần Ngọc L1 với giá 300.000.000 đồng. Hợp đồng được văn phòng Công chứng T công chứng cùng ngày 11/9/2019 (BL 79-81). Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, bà Trần Ngọc L1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận số CS 00868 ngày 23/9/2019 (BL 69). Đến ngày 13/5/2020 bà Trần Ngọc L1 lập hợp đồng tặng cho ông Lê Thanh L (chồng bà L1) diện tích 268,8m^2 trong đó có 150m^2 đất ở nông thôn, còn lại đất trồng cây lâu năm nên được tách ra thành thửa 329, tờ bản đồ số 07 (BL 65-67) nên ông L được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận số CS 01061 ngày 29/5/2020. (BL 52)

[5] Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà V với bà L1 được công chứng ngày 11/9/2019 thể hiện bà V chuyển nhượng cho bà L1 thửa đất 09, tờ bản đồ số 07, diện tích 526m^2 với giá 300.000.000 đồng do bà V được cấp giấy chứng nhận ngày 30/8/2019. Trong hợp đồng không có điều khoản nào ghi nhận có căn nhà trên đất chuyển nhượng (BL 79-81).Sau khi bà L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 23/9/2019 thì bà L1 tiếp tục lập hợp đồng tặng cho QSDĐ cho ông Lê Thanh L một phần thửa đất 09, tờ bản đồ số 07 tách thành thửa 329, diện tích 268,8m^2 được công chứng ngày 13/5/2020 (BL 65-67). Hợp đồng này cũng không thể hiện có căn nhà trên đất.

Nguồn gốc quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất đang tranh chấp là của ông Nguyễn Thế H2 đăng ký đứng tên. Ngày 06/4/2011 ông H2 chết nên bà V làm thủ tục đăng ký đứng tên rồi chuyển nhượng cho bà L1.

Chị Nguyễn Thanh T trình bày: Hàng thừa kế của ông H2 gồm có mẹ ông H2 (hiện vẫn còn sống), bà Nguyễn Thị V là vợ và Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thế Vân H1 là con ông H2. Nhưng khi bà V làm thủ tục thừa kế tài sản ông H2 thì chị và chị H1 hoàn toàn không biết và không ký tên. Điều này có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của chị T, chị H1 thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H2 đối với phần nhà đất bà V chuyển nhượng cho bà L1. Khi xảy ra tranh chấp chị T có đơn phản tố ký ngày 10/4/2023 yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà V với bà L1 được công chứng ngày 11/9/2019 là vô hiệu; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 23/9/2019 cho bà L1 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 29/5/2020 cho ông L (BL 41). Nhưng Tòa sơ thẩm ra thông báo không chấp nhận đơn phản tố của chị T với lý do việc tranh chấp giữa ông L với chị T đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 06/02/2023. (BL 42)

[6] Xét thấy tòa sơ thẩm mắc phải sai lầm nghiêm trọng trong việc thu thập tài liệu chứng cứ và vi phạm thủ tục tố tụng như sau:

Khi tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải ngày 06/02/2023 thì chưa thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng và người tham gia tố tụng nhưng lại không chấp nhận đơn yêu cầu phản tố của chị T ngay sau khi hòa giải lần thứ nhất và sau đó mới tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ mãi đến ngày 29/8/2023 mới tiếp tục công khai chứng cứ, hòa giải lần 02 (BL97-99). Yêu cầu phản tố của chị T liên quan trực tiếp đến tài sản tranh chấp cần phải giải quyết trong cùng vụ án, nếu không xem xét một cách toàn diện sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự.

Không xác định đúng và đầy đủ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đưa vào tham gia tố tụng gồm có: Mẹ ông H2, các con của chị T gồm Ngô Thiên Â, Ngô Thế B, Ngô Hữu B1 hiện đang cư trú tại căn nhà tranh chấp. Cũng như anh Nguyễn Văn T2 và chị N là người đang thuê một phần phía trước căn nhà đang tranh chấp để buôn bán từ trước khi bà V chuyển nhượng cho đến nay.

Không thu thập hồ sơ thừa kế tài sản nhà đất từ ông Nguyễn Thế H2 chuyển sang bà Nguyễn Thị V có đúng theo quy định của pháp luật hay không để từ đó có cơ sở xác định các hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa bà V với bà L1 và hợp đồng tặng cho QSDĐ giữa bà L1 cho ông L đúng hay sai.

Các thiết xót nêu trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần phải hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo luật định.

[7] Do hủy án sơ thẩm để xét xử lại theo yêu cầu kháng cáo của chị T nên chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Tòa án được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 và khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố Tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 118/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho TAND huyện T, tỉnh Tiền Giang xét xử lại sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Trả lại chị Nguyễn Thanh T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012078 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Mai Hoàng Khải